

Bản án số: 27/2020/DS-ST

Ngày: 28 - 8 - 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2020/TLDS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXDS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T Quỳnh, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Nhà không số, khu dân cư ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Nhà không số, khu dân cư ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Trương Hữu Q, sinh năm 1977 và bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Nhà không số, ấp C, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà B có mặt; ông Q và bà T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T Quỳnh, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị T Quỳnh trình bày: Ông Trương Hữu Q và bà Trần Thị Thanh T là vợ chồng. Vào ngày 09 tháng 7 năm 2015 âm lịch, bà đã cho ông Q và bà T vay số tiền 40.000.000 đồng. Khi bà giao số tiền 40.000.000 đồng cho ông Q và bà T thì ông Q và bà T viết, ký biên nhận nợ. Khi vay các bên thỏa thuận miệng với lãi suất là 1%, trả lãi suất hàng tháng, thời hạn vay 04 năm. Mục đích ông Q và bà T vay tiền để làm ăn trong gia đình. Khi đó ông Q và bà T không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho bà. Từ khi vay đến tháng 7 năm 2016 âm lịch, ông Q và bà T đã trả cho bà được 01 năm tiền lãi suất rồi ngưng luôn cho đến nay, chưa trả cho bà được khoản tiền gốc nào. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Q và bà T phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà số tiền vay gốc 40.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tổng đạt hợp lệ đối với ông Q và bà T nhưng ông Q và bà T không đến tham dự các phiên hòa giải theo quy định pháp luật. Đồng thời, ông Q và bà T cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì và không gửi văn bản nêu ý kiến về việc bà Q khởi kiện yêu cầu ông Q và bà T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà Quỳnh. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, trong đó bị đơn là ông Q và bà T có địa chỉ tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của ông Q và bà T tại phiên tòa: Ông Q và bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông Q và bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng

xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q và bà T là phù hợp theo các Điều 177, 179, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của bà Q khởi kiện yêu cầu ông Q và bà T phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà Q số tiền vay gốc 40.000.000 đồng là có chứng cứ chứng minh thể hiện qua giấy biên nhận ngày 09 tháng 7 năm 2015 do ông Q và bà T ký nhận nợ. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quỳnh, buộc ông Q và bà T phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà Q số tiền gốc 40.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với các 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Q được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Q và bà T phải có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 40.000.000 đồng nộp sung ngân sách nhà nước. Bà Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 179, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình; các Điều 3, 6, 12, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T Quỳnh, buộc ông Trương Hữu Q và bà Trần Thị Thanh T phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T Q số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1 Án phí của vụ án là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Buộc ông Trương Hữu Q và bà Trần Thị Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

2.2 Về tạm ứng án phí: Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T Q1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007482 ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

3. Án xử công khai sơ thẩm có mặt đương sự, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Diệu

